

UBND HUYỆN PHÚ GIÁO
TRƯỜNG TIỂU HỌC AN LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/BC-THAL

An linh, ngày tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **Năm học 2023 - 2024**

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024;

Trường Tiểu học An Linh thực hiện báo cáo thường niên năm học 2023 - 2024 với những nội dung sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học An Linh

2. Địa chỉ

- Ấp 30/4, xã An Linh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0274 3672 170
- Email: th-anlinh@pg.sgdbinhduong.edu.vn
- Website: <http://thanlinh.pgdpugiao.edu.vn>

3. Loại hình

Đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập do Nhà nước quản lý.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu

- Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện để tất cả các em học sinh đều cảm nhận được "Mỗi ngày đến trường là một ngày vui". Tạo điều kiện tốt nhất để mỗi học sinh được học tập, rèn luyện nhằm phát triển tối đa các phẩm chất và năng lực của bản thân. Bồi dưỡng tình yêu quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, có các kỹ năng sống cơ bản theo lứa tuổi, có kiến thức chắc chắn để mỗi học sinh đều có cơ hội phát triển, vươn lên trong tương lai.

- Tầm nhìn: Là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương; là ngôi trường thân thiện; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em; là nơi giáo viên và học sinh luôn tự tin, năng động, sáng tạo và vươn tới thành công.

- Mục tiêu chung: Xây dựng thương hiệu nhà trường, có uy tín và ổn định về chất lượng giáo dục; từng bước phấn đấu theo mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Tiểu học An Linh nằm trên địa bàn Ấp 30/4, xã An Linh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương. Trường được thành lập trên cơ sở Theo Quyết định số 154/1999/QĐ-UB ngày 9

tháng 12 năm 1999 của Chủ tịch UBND Huyện Phú Giáo về việc tách trường Tiểu học An Linh thành lập 2 trường: Tiểu học An Linh B và Trường Tiểu học An Linh A xây dựng tại ấp 30/4 xã An Linh, Huyện Phú Giáo, Tỉnh Bình Dương

Đến ngày 06 tháng 8 năm 2007 Trường Tiểu học An Linh được thành lập theo Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 6 tháng 8 năm 2007 của Chủ tịch UBND huyện Phú Giáo về việc đổi tên trường Tiểu học An Linh A thành trường Tiểu học An Linh.

Trường Tiểu học An Linh luôn nhận được sự quan tâm sâu sắc của UBND huyện Phú Giáo, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Phú Giáo và các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương.

Năm học 2018-2019 trường được đầu tư đầy đủ cơ sở vật chất mới nhằm đáp ứng tốt cho các hoạt động giáo dục. Diện tích khuôn viên nhà trường đảm bảo quy định về vệ sinh trường học ban hành theo Quyết định số 1221/2000/QĐ-BYT ngày 18/4/2000 của Bộ trưởng Bộ Y tế. Trường có tổng diện tích khuôn viên rộng diện tích 20.667,3 m². Trường có 15 phòng học phục vụ cho 15 lớp, đảm bảo có đủ 1 phòng/1 lớp. Diện tích mỗi phòng 46,72m², được xây dựng đúng quy cách, có đủ phòng chức năng và đầy đủ các phòng phục vụ cho công tác hành chính văn phòng, có nhà đa năng kết hợp với nhà ăn bán trú.

Năm học 2023-2024, trường có tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 29 người; Số giáo viên dạy lớp là 22 GV, trong đó có 21 Gv có trình độ chuyên môn đạt chuẩn Đại học, 1 Gv có trình độ Cao đẳng. Toàn trường có 15 lớp học với tổng số học sinh là 365/175 em.

Trường có tổ chức Chi bộ Đảng gồm số đảng viên là 16/14 nữ, hàng năm Chi bộ đều hoàn thành tốt nhiệm vụ. Các tổ chức như Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Chi hội Chữ thập đỏ hàng năm đều đạt Vững mạnh trở lên. Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể hoạt động tích cực, phối hợp tốt với Ban đại diện cha mẹ học sinh góp phần giúp nhà trường hoàn thành tốt nhiệm vụ giáo dục. Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ giáo viên tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ; chất lượng giáo dục từng bước đi vào ổn định và phát triển. Với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, tháng 12 năm 2013 trường đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương công nhận trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 giai đoạn 2018-2023.

Nhà trường căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học để xác định được hiện trạng, những điểm mạnh, điểm

yếu, từ đó xây dựng được kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo các tiêu chí. Từ đó, nhà trường cam kết, từng bước phấn đấu thực hiện các biện pháp cải tiến để nâng cao chất lượng giáo dục.

6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Hồ Phương Chức vụ: Hiệu trưởng
Địa chỉ nơi làm việc: Ấp 30/4, xã An Linh, Phú Giáo, Bình Dương
Điện thoại: 0968311320 Email: phuong665048@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

- Hội đồng Trường Tiểu học An Linh nhiệm kỳ 2022-2026 được thành lập theo Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2022 của chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc thành lập Hội đồng Trường Tiểu học An Linh.

TT	Họ và tên	Chức vụ, chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Hồ Phương	Bí thư CB, Hiệu trưởng	Chủ tịch HĐ
2	Lưu Thị May	Phó HT, CT CĐCS	Phó chủ tịch HĐ
3	Đoàn Thị Duyên Hải	Giáo viên, BT Chi Đoàn	Thư ký HĐ
4	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	Giáo viên – Tổ trưởng khối 1	Thành viên
5	Hoàng Thị Lan	Giáo viên – Tổ trưởng khối 1	Thành viên
6	Nguyễn Thanh Liêm	Giáo viên – Tổ trưởng khối 5	Thành viên
7	Bùi Thị Hương	Kế toán- Tổ trưởng văn phòng	Thành viên
8	Nguyễn Anh Thắm	Phó chủ tịch UBND xã An Linh	Thành viên
9	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Trưởng ban ĐD CMHS	Thành viên

- Hiệu trưởng: Nguyễn Hồ Phương, Sinh ngày 16/03/1977, bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng Trường Tiểu học An Linh từ ngày 01/3/2022 theo quyết định số 55/QĐ-UBND ngày 23/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Phó hiệu trưởng: Lưu Thị May, Sinh ngày 01/10/1980, được bổ nhiệm chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường Tiểu học An Linh từ ngày 17/6/2024 theo quyết định số 3057/QĐ-UBND ngày 17/6/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo về việc điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý.

- Quy chế tổ chức và hoạt động: Đơn vị có Hội đồng trường với 11 thành viên; 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng; Hội đồng thi đua khen thưởng.; Hội đồng kỷ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường); Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 16 đảng viên; Công đoàn cơ sở nhà trường có 29 công đoàn viên; Tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh có 11 đoàn viên; Đội TNTP Hồ Chí Minh: có 9 lớp sao nhi đồng và 6 chi đội; Ban đại diện CMHS; 01 tổ Văn phòng và 06 tổ chuyên môn.

- Cơ chế hoạt động của Trường Tiểu học An Linh là xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền; Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó; đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình 3 cấp có thẩm quyền quyết định; Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều

động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước; Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh; Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

- Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Điện thoại	E-mail
1	Nguyễn Hồ Phương	Hiệu trưởng	0968311320	phuong665048@gmail.com
2	Lưu Thị May	P. hiệu trưởng	0378011080	mayluu80@ggmail.com

Địa chỉ nơi làm việc: Ấp 30/4, xã An Linh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các quy định, quy chế nội bộ.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Thống kê đội ngũ:

[illegible]

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng năm học 2023-2024: Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên 23/23, tỉ lệ 100%, trong đó BGH 2/2, GV 23/23.

1. Thông tin về cơ sở vật chất của nhà trường

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	15/15	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	15	-
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ, mượn		-
III	Số điểm trường lẻ		-
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	20667.3 m ²	60.1 m ² /hs
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	2200m ²	6.0
VI	Tổng diện tích các phòng	16.658.95m ²	1.89
1	Diện tích phòng học (m ²)	1373.2	38,1
2	Diện tích thư viện (m ²)	144.5	0.40
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)		
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	71.3	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	71.3	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	71.3	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	71.3	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	95.3	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	6	6/15
1.1	Khối lớp 1	3	3/3
1.2	Khối lớp 2	3	3/3
1.3	Khối lớp 3	3	
1.4	Khối lớp 4	3	
1.5	Khối lớp 5	3	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0.00
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	3
2.4	Khối lớp 4	0	3
2.5	Khối lớp 5	0	3
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	40	10.9 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	1	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	16	

STT	Nội dung	Số lượng(m ²)				
X	Nhà bếp	172.4				
XI	Nhà ăn	358				
STT	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú					
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6 Phòng		12 phòng		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					
				Có	Không	
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh			x		
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)			x		
XVII	Kết nối internet			x		
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường			x		
XIX	Tường rào xây			x		

2. Danh mục Sách giáo khoa sử dụng trong nhà trường

2.1. Sách giáo khoa lớp 1 (Theo Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND tỉnh Bình Dương về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 và điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương)

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1 (Tập 1, 2)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Băng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 1	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
3	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tính.	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Hoạt động trải nghiệm 1	Vũ Quang Tuyên (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Tâm (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà Liên, Lê Phương Thảo.	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 1	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Đỗ Thanh Hiền.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
7	Mĩ thuật 1	Nguyễn Xuân Tiên (Tổng Chủ biên), Hoàng Minh Phúc (Chủ biên), Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Minh Thiên Hoàng, Nguyễn Hồng Ngọc, Lâm Yên Như.	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 1	Đặng Ngọc Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Công Trường.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
9	Tiếng Anh 1	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Văn Ánh.	NXB Giáo dục Việt Nam

2.2. Sách giáo khoa lớp 2 (Theo Quyết định số 1217/QĐ-UBND ngày 07/5/2021 của UBND tỉnh Bình Dương về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 và điều chỉnh, bổ sung danh mục sách giáo khoa lớp 1 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2021-2022 trên địa bàn tỉnh Bình Dương)

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2 (Tập 1, tập 2)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng, Trần Thị Hiền Lương (đồng Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Chu Thị Phương, Đặng Thị Hảo Tâm, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Trần Kim Phượng.	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 2 (Tập 1, tập 2)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương,	NXB Giáo dục Việt Nam

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
		Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	
3	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tính.	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Hoạt động trải nghiệm 2	Phó Đức Hào, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên); Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm, Đinh Thị Kim Thoa (đồng Chủ biên); Nguyễn Hồng Kiên; Nguyễn Thị Bích Liên; Nguyễn Thị Hà Liên; Vũ Phương Liên; Nguyễn Hải My; Lại Thị Yến Ngọc; Đặng Thị Thanh Nhân; Nguyễn Huyền Trang; Trần Thị Quỳnh Trang; Lê Phương Trí.	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 2	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên); Tạ Hoàng Mai Anh; Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
7	Mĩ thuật 2	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Xuân Tiến (đồng Tổng Chủ biên); Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên); Lương Thanh Khiết; Vũ Đức Long; Nguyễn Ánh Phương Nam; Lâm Yến Như; Phạm Văn Thuận; Đàm Thị Hải Uyên; Trần Thị Vân.	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 2	Lưu Quang Hiệp (Tổng chủ biên); Phạm Đông Đức (Chủ biên); Nguyễn Duy Linh; Phạm Tràng Kha.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
9	Tiếng Anh 2	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Văn Ánh.	NXB Giáo dục Việt Nam

2.3. Sách giáo khoa lớp 3 (Theo Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 26/5/2022 của UBND tỉnh Bình Dương về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 3, lớp 7 và lớp 10 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Bình Dương)

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3 (Tập 1, tập 2) (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng, Đặng Thị Hào Tâm, Nguyễn Thị Kim Oanh, Nguyễn Thị Lê Hằng.	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Toán 3 (Tập 1, tập 2) (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	NXB Giáo dục Việt Nam

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
	thức với cuộc sống)		
4	Tự nhiên và Xã hội 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Thị Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	NXB Giáo dục Việt Nam
5	Hoạt động trải nghiệm 3 (Chân trời sáng tạo)	Phó Đức Hòa, Vũ Quang Tuyên (đồng Tổng Chủ biên), Bùi Ngọc Diệp, Nguyễn Hữu Tâm (đồng Chủ biên), Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Huyền Trang.	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 3 (Cánh diều)	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
7	Mĩ thuật 3 (Chân trời sáng tạo 2)	Hoàng Minh Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị May (Chủ biên), Đỗ Việt Hoàng.	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 3 (Cánh diều)	Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên), Nguyễn Thành Long, Phạm Đức Toàn, Vũ Thị Mai Phương.	NXB Đại học Sư phạm
9	Tiếng Anh 3 (Family and Friends - National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Văn Ánh.	NXB Giáo dục Việt Nam
10	Tiếng Anh 3 (i-Learn Smart Start)	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
11	Tin học 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt.	NXB Giáo dục Việt Nam
12	Công nghệ 3 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	NXB Giáo dục Việt Nam

2.4. Sách giáo khoa lớp 4 (Theo Quyết định số 1029/QĐ-UBND ngày 27/4/2023 của UBND tỉnh Bình Dương về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 4, lớp 8 và lớp 11 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Bình Dương)

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4 (Kết nối tri thức)	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	NXB Giáo dục Việt Nam

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
	thức với cuộc sống)	Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	
2	Toán 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Quế Hương, Bùi Bá Mạnh.	NXB Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	NXB Giáo dục Việt Nam
4	Đạo đức 4 (Cánh Diều)	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Chung Hải, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tông Quyền, Nguyễn Thị Hân Thy.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
5	Lịch sử và Địa lí 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng chủ biên cấp tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí). Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	NXB Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc 4 (Cánh Diều)	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
7	Mĩ thuật 4 (Chân trời sáng tạo)	Hoàng Minh Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị May (Chủ biên), Đỗ Việt Hoàng, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Trần Thị Tuyết Nhung.	NXB Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 4 (Cánh Diều)	Đình Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đình Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đình Thị Mai Anh.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
9	Hoạt động trải nghiệm 4 (Chân trời sáng tạo)	Phó Đức Hòa (Tổng chủ biên), Bùi Ngọc Diệp (Chủ biên), Lê Thị Thu Huyền, Nguyễn Hà My, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Hữu Tâm, Nguyễn Huyền Trang.	NXB Giáo dục Việt Nam
10	Tin học 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng.	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Tin học 4 (Cánh diều)	Hồ Sĩ Đàm (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Thủy (Chủ biên), Hồ Cẩm Hà, Nguyễn Thị Hồng, Đỗ Thị Bích Ngọc, Nguyễn Chí Trung.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
12	Công nghệ 4 (Kết nối tri	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Đồng Huy Giới, Dương Giáng	NXB Giáo dục Việt Nam

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
	thức với cuộc sống)	Thiên Hương, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo.	
13	Khoa học 4 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	NXB Giáo dục Việt Nam
14	Tiếng Anh 4 (Family and Friends - National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Trương Văn Ánh.	NXB Giáo dục Việt Nam
15	Tiếng Anh 4 (i-Learn Smart Start)	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Huỳnh Tuyết Mai (Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Nguyễn Dương Hoài Thương.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM

2.5. Sách giáo khoa lớp 5 (Theo Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 16/5/2024 của UBND tỉnh Bình Dương về phê duyệt danh mục sách giáo khoa lớp 5, lớp 9 và lớp 12 do các cơ sở giáo dục lựa chọn sử dụng từ năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Dương)

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thúy An, Vũ Trọng Đồng, Nguyễn Khánh Hà, Đỗ Thu Hà, Đặng Kim Nga. Tập 2: Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thúy An, Nguyễn Hoàng Mỹ Anh, Hoàng Hòa Bình, Nguyễn Khánh Hà, Trần Đức Hùng.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
2	Toán 5	Đỗ Đức Thái (Tổng Chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (Chủ biên), Nguyễn Hoài Anh, Trần Thúy Nga, Nguyễn Thị Thanh Sơn.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
3	Khoa học 5	Bùi Phương Nga (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phạm Hồng Bắc, Phan Thị Thanh Hội, Phùng Thanh Huyền, Lương Việt Thái.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
4	Lịch sử và Địa lí 5	Đỗ Thanh Bình (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nguyễn Văn Dũng (Chủ biên phần Lịch sử), Ninh Thị Hạnh, Nguyễn Thị Phương Thảo, Lê Thông (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Nguyễn Tuyết Nga (Chủ biên phần Địa lí), Phạm Thị Sen, Nguyễn Thị Trang Thanh.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
5	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Đỗ Tất Thiên (Chủ biên), Nguyễn Cẩm Thùy, Nguyễn Thị Diễm My, Huỳnh Tống Quyên, Nguyễn Thị Hân Thy.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
6	Hoạt động trải nghiệm 5	Nguyễn Đức Quang (Tổng Chủ biên), Phạm Quang Tiệp (Chủ biên), Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Thị Hương, Ngô Quang Quế.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
7	Giáo dục thể chất 5	Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên), Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên), Đinh Khánh Thu, Nguyễn Thị Thu Quyết, Đinh Thị Mai Anh.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
8	Âm nhạc 5	Lê Anh Tuấn (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Tạ Hoàng Mai Anh, Trương Thị Thùy Linh, Nguyễn Thị Quỳnh Mai.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM
9	Tiếng Anh 5 (Family and Friends - National Edition)	Trần Cao Bội Ngọc (Chủ biên), Phạm Nguyễn Bảo Ngọc.	NXB Giáo dục Việt Nam
10	Mĩ thuật 5	Hoàng Minh Phúc (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị May (Chủ biên), Vũ Đức Long, Trần Đoàn Thanh Ngọc, Trần Thị Tuyết Nhung.	NXB Giáo dục Việt Nam
11	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đăng Cao Tùng.	NXB Giáo dục Việt Nam
12	Công nghệ 5	Nguyễn Trọng Khanh (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Mai Lan, Ngô Văn Thanh, Chu Văn Vượng.	NXB Đại học Sư phạm TP HCM

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kết quả tự đánh giá

- Mức 1:

- + Số lượng tiêu chí đạt 27/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 2:

- + Số lượng tiêu chí đạt 27/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 100%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 0/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 0%;

- Mức 3:

- + Số lượng tiêu chí đạt 13/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 48.2%;
- + Số lượng tiêu chí không đạt 14/27 tiêu chí, đạt tỷ lệ: 51.8%;

- Mức đánh giá của Trường Tiểu học An Linh đạt cấp độ 2.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt chuẩn quốc gia, đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

Trường Trường Tiểu học An Linh đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 (Theo Quyết định số 1782/QĐ-SGDĐT ngày 22/10/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương) và đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 năm 2024 (theo Quyết định số 3291/QĐ-UBND ngày 18/11/2024

của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương).

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Thông tin về kế hoạch giáo dục của năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp				
		Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
I	Điều kiện tuyển sinh	Trẻ 6 tuổi (sinh năm 2018), cư trú trên địa bàn Ấp 6, 7, 30/4, 9, Phú Bằng xã An Linh	HS đã hoàn CT trình lớp 1, cư trú trên địa bàn Ấp 6, 7, 30/4, 9, Phú Bằng xã An Linh	HS đã hoàn thành CT lớp 2, cư trú trên địa bàn Ấp 6, 7, 30/4, 9, Phú Bằng xã An Linh	HS đã hoàn thành CT lớp 3, cư trú trên địa bàn Ấp 6, 7, 30/4, 9, Phú Bằng xã An Linh	HS đã hoàn thành CT lớp 4, cư trú trên địa bàn Ấp 6, 7, 30/4, 9, Phú Bằng xã An Linh
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	Thực hiện theo chương trình quy định của Bộ GDĐT quy định tại Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông.				
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	- Phối hợp thông qua BDD CHMS, thực hiện theo Thông tư 55/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh. Liên lạc thường xuyên; tạo điều kiện cho HS đến trường; - HS chuyên cần, thân thiện, chủ động, sáng tạo trong học tập. Thực hiện các quy định trong Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.				
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	- HS được tham gia các hoạt động văn hóa văn nghệ, TDTT, sinh hoạt tập thể, hoạt động ngoại khóa; được tạo điều kiện học bán trú tại trường. - Đảm bảo đủ 1 lớp/phòng học, trang bị đủ bàn ghế, điện quạt, bảng chống lóa, tủ đựng hồ sơ, tài liệu, ĐDDH, máy tính, màn chiếu... Học sinh các lớp 1,2,3,4,5 đều được học tin học, đảm bảo trang bị 1 HS/máy.				
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	HS được chăm sóc, giáo dục để phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần; được giáo viên giúp đỡ để hoàn thành chương trình lớp học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng quy định; được tổ chức rèn luyện để thực hiện tốt các yêu cầu về năng lực, phẩm chất của học sinh theo yêu cầu từng khối lớp.				
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	Đủ khả năng học tiếp ở lớp 2	Đủ khả năng học tiếp ở lớp 3	Đủ khả năng học tiếp ở lớp 4	Đủ khả năng học tiếp ở lớp 5	Đủ khả năng học tiếp ở bậc học THCS

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của nhà trường năm học 2023-2024

Chất lượng giáo dục	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Chất lượng giáo dục	Lớp 5
<i>I. Kết quả học tập</i>					<i>I. Kết quả học tập</i>	

Chất lượng giáo dục	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Chất lượng giáo dục	Lớp 5
1. Tiếng Việt	71	71	70	75	1. Tiếng Việt	78
Hoàn thành tốt	29	34	29	35	Hoàn thành tốt	33
Hoàn thành	40	35	40	40	Hoàn thành	45
Chưa hoàn thành	2	2	1	0	Chưa hoàn thành	0
2. Toán	71	71	70	75	2. Toán	78
Hoàn thành tốt	29	35	28	35	Hoàn thành tốt	36
Hoàn thành	41	35	42	40	Hoàn thành	42
Chưa hoàn thành	1	1	0	0	Chưa hoàn thành	0
3. Đạo đức	71	71	70	75	3. Đạo đức	
Hoàn thành tốt	30	35	31	36	Hoàn thành tốt	34
Hoàn thành	41	36	39	39	Hoàn thành	44
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	Chưa hoàn thành	0
4. Tự nhiên và Xã hội	71	71	70		4. Khoa học	78
Hoàn thành tốt	31	30	32		Hoàn thành tốt	52
Hoàn thành	40	41	38		Hoàn thành	24
Chưa hoàn thành	0	0	0		Chưa hoàn thành	2
5. Khoa học				75	5. LS &ĐL	78
Hoàn thành tốt				37	Hoàn thành tốt	48
Hoàn thành				36	Hoàn thành	28
Chưa hoàn thành				2	Chưa hoàn thành	2
6. LS &ĐL				75	6. Âm nhạc	
Hoàn thành tốt				37	Hoàn thành tốt	30
Hoàn thành				36	Hoàn thành	48
Chưa hoàn thành				2	Chưa hoàn thành	0
7. Nghệ thuật (Âm nhạc)	71	71	70		7. Mỹ thuật	78
Hoàn thành tốt	25	30			Hoàn thành tốt	28
Hoàn thành	46	41			Hoàn thành	50
Chưa hoàn thành	0	0			Chưa hoàn thành	0
8. Nghệ thuật (Mỹ thuật)	71	71	70	75	8. Thủ công, Kỹ thuật	78
Hoàn thành tốt					Hoàn thành tốt	29
Hoàn thành					Hoàn thành	49
Chưa hoàn thành					Chưa hoàn thành	0
9. Hoạt động trải nghiệm	71	71	70	75	9. Thể dục	
Hoàn thành tốt					Hoàn thành tốt	32
Hoàn thành					Hoàn thành	46
Chưa hoàn thành					Chưa hoàn thành	0
10. Giáo dục thể chất	71	71	70	75	10. Ngoại ngữ	78
Hoàn thành tốt	31	32	30	35	Hoàn thành tốt	26
Hoàn thành	40	39	40	40	Hoàn thành	50
Chưa hoàn thành	0	0	0	0	Chưa hoàn thành	2

Chất lượng giáo dục	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Chất lượng giáo dục	Lớp 5
11. TH-CN (Công nghệ)			70	75	11. Tin học	78
Hoàn thành tốt			28	32	Hoàn thành tốt	27
Hoàn thành			42	41	Hoàn thành	49
Chưa hoàn thành			0	2	Chưa hoàn thành	2
12. TH-CN (Tin học)			70	75	II. Năng lực	
Hoàn thành tốt			28	32	Tự phục vụ tự quản	
Hoàn thành			42	41	Tốt	
Chưa hoàn thành			0	2	Đạt	
13. Ngoại ngữ	71	71	70	75	Cần cố gắng	
Hoàn thành tốt	28	28	29	30	Hợp tác	
Hoàn thành	40	42	40	43	Tốt	
Chưa hoàn thành	3	1	1	2	Đạt	
II. Năng lực cốt lõi					Cần cố gắng	
Năng lực chung					Tự học và giải quyết vấn đề	
Tự chủ và tự học	71	71	70	75	Tốt	
Tốt	32	36	34	36	Đạt	
Đạt	38	35	36	38	Cần cố gắng	
Cần cố gắng	1	0	0	1	III. Phẩm chất	
Giao tiếp và hợp tác	71	71	70	75	Chăm học chăm làm	
Tốt	32	36	36	36	Tốt	
Đạt	37	35	34	38	Đạt	
Cần cố gắng	2	0	0	0	Cần cố gắng	
Giải quyết vấn đề và sáng tạo	71	71	70	75	Tự tin trách nhiệm	
Tốt	32	35	36	35	Tốt	
Đạt	38	36	34	39	Đạt	
Cần cố gắng	1	0	0	0	Cần cố gắng	
Năng lực đặc thù	71	71	70	75	Trung thực kỷ luật	
Ngôn ngữ	71	71	70	75	Tốt	
Tốt	32	35	32	36	Đạt	
Đạt	38	36	38	37	Cần cố gắng	
Cần cố gắng	1	0	0	2	Đoàn kết yêu thương	
Tính toán	71	71	70	75	Tốt	
Tốt	32	35	30	36	Đạt	
Đạt	38	36	40	37	Cần cố gắng	
Cần cố gắng	1	0	0	2	IV. Khen thưởng	
Tin học	71	71	70	75	- Giấy khen cấp trường	47
Tốt			30	32	- Giấy khen cấp trên	
Đạt			40	41	V. HSDT được trợ giảng	
Cần cố gắng			0	2	VI. HS.K. Tật	

Chất lượng giáo dục	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Chất lượng giáo dục	Lớp 5
Công nghệ	71	71	70	75	VII. Chương trình lớp học	
Tốt			30	32	Hoàn thành	78
Đạt			40	41	Chưa hoàn thành	0
Cần cố gắng			0	2		
Khoa học	71	71	70	75		
Tốt	32	35	30	35		
Đạt	39	36	40	38		
Cần cố gắng	0	0	0	2		
Thẩm mỹ	71	71	70	75		
Tốt	32	36	30	32		
Đạt	39	35	40	43		
Cần cố gắng	0	0	0	0		
Thể chất	71	71	70	75		
Tốt	32	36	30	33		
Đạt	39	35	40	42		
Cần cố gắng	0	0	0	0		
III. Phẩm chất chủ yếu						
Yêu nước	71	71	70	75		
Tốt	32	36	43	41		
Đạt	39	35	27	34		
Cần cố gắng	0	0	0	0		
Nhân ái	71	71	70	75		
Tốt	32	36	43	42		
Đạt	39	35	27	33		
Cần cố gắng	0	0	0	0		
Chăm chỉ	71	71	70	75		
Tốt	32	36	29	41		
Đạt	39	35	41	33		
Cần cố gắng	0	0	0	1		
Trung thực	71	71	70	75		
Tốt	32	36	29	42		
Đạt	39	35	41	32		
Cần cố gắng	0	0	0	1		
Trách nhiệm	71	71	70	75		
Tốt	32	36	29	42		
Đạt	39	35	41	32		
Cần cố gắng	0	0	0	1		
IV. Đánh giá KQGD						
- Hoàn thành xuất	18	23	20	23		
- Hoàn thành tốt	10	10	7	7		

Chất lượng giáo dục	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Chất lượng giáo dục	Lớp 5
- Hoàn thành	41	37	43	45		
- Chưa hoàn thành	2	1	0	0		
V. Khen thưởng						
- Giấy khen cấp trường	18	23	20	23		
- Giấy khen cấp trên						
VI. HSDT được trợ giảng						
VII. HS.K.Tật						
VIII. Chương trình lớp học						
Hoàn thành						
Chưa hoàn thành						

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1	Các khoản ngân sách cấp và các khoản thu	Năm 2024	Năm 2023
	Ngân sách cấp	7.301.839.000	5.805.489.637
	Các khoản thu khác	846.918.950	515.801.000
	Tiền ăn	373.241.550	185.304.000
	Hỗ trợ phục vụ bán trú	100.962.280	46.163.000
	Buổi 2	336.411.320	258.386.000
	Vệ sinh Trường lớp	36.303.800	25.948.000
	Chi		
	Ngân sách	7.109.917.218	5.446.436.424
	Chi tiền lương và các khoản thu nhập có tính chất như lương	5.908.151.233	4.641.618.318
	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	762.127.796	425.702.218
	Chi hỗ trợ người học	199.479.889	219.965.076
	Các khoản chi khác	240.158.300	159.150.812
	Các khoản chi ngoài ngân sách	846.918.950	491.843.000
	Tiền ăn	373.241.550	185.304.000
	Hỗ trợ phục vụ bán trú	100.962.280	45.329.720
	Buổi 2	336.411.320	255.523.080
	Vệ sinh Trường lớp	36.303.800	5.686.200
	Số dư các quỹ		
	Ngân sách	191.921.782	359.053.213
	Các khoản thu khác	0	23.958.000

1	Các khoản ngân sách cấp và các khoản thu	Năm 2024	Năm 2023
2	Các khoản thu khác		
	Tiền ăn	30.000đ/ngày	28.000đ/ngày
	Hỗ trợ phục vụ bán trú	165.000đ/tháng	145.000đ/tháng
	Buổi 2	4.600đ/Tiết	4.000đ/Tiết
	Vệ sinh Trường lớp	11.000đ/tháng	11.000đ/tháng
3	Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm, về trợ cấp miễn giảm học phí, học bổng đối với người học	28.050.000	65.550.000
	Chi tiền hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh	28.050.000	65.550.000

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Công tác chỉ đạo thực hiện tuyển sinh đầu cấp

Nhà trường thực hiện tốt công tác tuyển sinh, phối hợp với địa phương rà soát, vận động, đưa trẻ ra lớp. Kế hoạch tuyển sinh được thông báo đến địa phương, kết quả học sinh 6 tuổi trong địa bàn ra lớp 85/85, tỷ lệ 100%.

2. Việc thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

2.1. Đảm bảo việc triển khai thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục. Kết quả việc tổ chức xây dựng, triển khai KHGD, KHDH môn học, KHBD

- Đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo lộ trình từ năm học 2020-2021 đối với lớp 1, năm học 2021-2022 đối với lớp 2, năm học 2022-2023 đối với lớp 3, năm học 2023-2024 đối với lớp 4.

- Đơn vị đã chủ động xây dựng kế hoạch giáo dục từ đầu năm học làm cơ sở tổ chức triển khai các hoạt động tại đơn vị, hướng dẫn các tổ chuyên môn thực hiện kế hoạch giáo dục môn học.

Căn cứ thông tư 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 Thông tư ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học cán bộ quản lý đã sâu sát trong việc triển khai, hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch bài dạy/môn/tiết có vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Kết quả:

100% giáo viên có kế hoạch bài dạy đã được duyệt khi lên lớp. Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc như: Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Nghệ thuật (Âm nhạc, Mỹ thuật), Hoạt động trải nghiệm, Khoa học, Lịch sử - Địa lý. Ngoài ra trường còn tổ chức các hoạt động củng cố để HS tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của HS; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi tiết 35 phút; kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp HS hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học

Đối với lớp 5: Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành theo Quyết

định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 đơn vị đã chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực HS để tiếp cận Chương trình GDPT 2018 đơn vị xây dựng kế hoạch giáo dục từ đầu năm học làm cơ sở tổ chức triển khai các hoạt động tại đơn vị, hướng dẫn các tổ chuyên môn thực hiện kế hoạch giáo dục môn học.

Căn cứ văn bản hợp nhất 03/VBHN-BGDĐT ngày 28 tháng 9 năm 2016 ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học cán bộ quản lý đã sâu sát trong việc triển khai, hướng dẫn giáo viên thực hiện kế hoạch bài dạy/môn/tiết có vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Giáo viên đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học nhằm phát triển năng lực học sinh, thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng HS, đồng thời từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của HS trên nguyên tắc: đảm bảo yêu cầu chuẩn kiến thức, kỹ năng và phù hợp điều kiện thực tế; rà soát, tinh giản những nội dung chưa phù hợp, trùng lặp giữa các môn học, giữa các khối lớp trong cấp học và các nội dung chưa thực sự cấp thiết đối với HS tiểu học; sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các chủ đề học tập phù hợp với đối tượng HS; tập trung vào đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của HS; tạo điều kiện cho HS được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục

Đơn vị rất quan tâm việc tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, dạy học STEM ở các môn học, hoạt động giáo dục để giúp HS có kỹ năng thực hành, phát triển kỹ năng sống, đã thành lập “Câu lạc bộ Thắt lá dừa và bánh dân gian” hoạt động thường xuyên, liên tục hàng tháng đã thu hút được sự quan tâm, đồng hành của cha mẹ học sinh, tạo điều kiện giúp học sinh phát triển kỹ năng sống cơ bản; đã nâng cấp vườn thuốc Nam, xây mới vườn rau, củng cố góc thư viện, góc học tập, tạo điều kiện để học sinh được trải nghiệm, học tập đạt hiệu quả.

2.2. Tổ chức dạy học môn Tiếng Anh, Tin học.

Tổ chức dạy tiếng Anh tự chọn lớp 1,2,5. Lớp 3,4 học tiếng anh bắt buộc theo chương trình GDPT 2018. Tổ chức cho học sinh lớp 1,2 làm quen tin học, lớp 5 tự chọn tin học 2 tiết/tuần. Lớp 3,4 học Tin học bắt buộc theo chương trình GDPT 2018. 100% học sinh của trường được học tiếng Anh, Tin học.

3. Công tác triển khai giáo dục STEM, chuyển đổi số, thí điểm triển khai Học bạ số

3.1. Đối với giáo dục STEM

Làm tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của CBQL, GV, cha mẹ HS, HS về vai trò của giáo dục STEM nhằm tạo sự đồng thuận; huy động nguồn lực của cộng đồng triển khai thực hiện hiệu quả giáo dục STEM trong Chương trình GDPT cấp tiểu học.

100% CB, GV được tập huấn giáo dục STEM, làm tốt công tác chỉ đạo, GV đã chủ động tích hợp nội dung giáo dục STEM vào kế hoạch giáo dục đảm bảo chất lượng và hiệu quả; Bước đầu đưa nội dung giáo dục vào các môn học cụ thể theo chủ đề từng khối/lớp đã tạo được sự yêu thích, say mê, kích thích sự tìm tòi, học hỏi và sáng tạo của học sinh. Kết quả: 100% lớp thực hiện bài học Stem.

3.2. Đối với việc triển khai chuyển đổi số, Đơn vị đã triển khai chuyển đổi số trong duyệt kế hoạch bài dạy, Xây dựng phòng học trực tuyến. Chỉ đạo tổ chức học bạ số từ lớp 1-4. Thực

hiện hồ sơ chuyên môn và trao đổi thông tin liên quan công tác chuyên môn. Kết quả: 100% cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện.

4. Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình GDPT 2018

Căn cứ tài liệu giáo dục địa phương các lớp 1, 2, 3, 4 được Bộ GD&ĐT phê duyệt, đơn vị đã xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục của địa phương theo hướng tích hợp, lồng ghép vào chương trình các môn học, hoạt động trải nghiệm phù hợp với đặc điểm tâm lý, trình độ phát triển nhận thức của HS theo từng khối lớp đảm bảo mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học, hoạt động giáo dục theo quy định, không gây áp lực, quá tải cho HS khi thực hiện, đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT theo Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục địa phương của địa phương cấp tiểu học và Công văn số 2773/SGDĐT-GDMNTH ngày 03/11/2023 về việc hướng dẫn nội dung giáo dục địa phương đối với lớp 4 của Sở GD&ĐT.

Giáo viên sử dụng nội dung “Địa phương em” của tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 kết hợp với định hướng tổ chức dạy học trong chủ đề “Địa phương em” của SGK môn Lịch sử và Địa lí 4 đã được địa phương lựa chọn để tổ chức dạy học theo Công văn số 5576/BGDĐT-GDTH ngày 02/12/2021 về việc Hướng dẫn biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục “Địa phương em” trong Chương trình môn Lịch sử và Địa lí lớp 4 cấp tiểu học.

5. Thực hiện công tác lựa chọn sách giáo khoa lớp 5

Công tác lựa chọn sách giáo khoa của nhà trường được thực hiện từ sau ngày 01/3/2024 đến hết ngày 25/3/2024 theo Điều 7, Chương III, Thông tư số 27/2023/TT- BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông.

Hoàn tất hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa đúng thời gian qui định và báo cáo về Phòng Giáo dục&Đào tạo.

Hội đồng lựa chọn sách giáo khoa lớp 5, năm học 2024-2025 đã làm việc nghiêm túc, đúng quy trình, đúng quy định. Các buổi làm việc của hội đồng lựa chọn SGK nghiêm túc, làm việc nhiệt tình, nghiêm túc, trách nhiệm, công khai. Tất cả thành viên đều có mặt đầy đủ, đúng giờ và tham gia góp ý, làm việc trách nhiệm, hiệu quả.

Hội đồng đã tổ chức thẩm định biên bản các cuộc họp của tổ chuyên môn; các phiếu nhận xét, đánh giá sách giáo khoa của giáo viên; danh mục sách giáo khoa do các tổ chuyên môn lựa chọn. Hội đồng đã đề xuất với Hiệu trưởng danh mục SGK lớp 5 đã được các tổ chuyên môn lựa chọn theo đúng quy định tại Thông tư 27

6. Nâng cao hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá

6.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

Giáo viên thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng dạy học phân hóa, dạy học tích hợp và dạy học thông qua các hoạt động nhằm phát triển phẩm chất, năng lực của HS; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

6.2. Nâng cao hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá

Đối với HS lớp 5 tiếp tục thực hiện đánh giá theo Văn bản hợp nhất Thông tư số 30/2014/TT-

BGDĐT ngày 28/8/2014 và Thông tư số 22/2016/TT GDĐT ngày 22/9/2016 của Bộ GDĐT quy định về đánh giá học sinh.

Đối với HS lớp 1, lớp 2, lớp 3 và lớp 4 được đánh giá theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD&ĐT.

100% cán bộ quản lý, giáo viên ứng dụng phần mềm Cơ sở dữ liệu quốc gia để quản lý kết quả giáo dục và học tập của HS để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho GV quan tâm đến HS và nâng cao hiệu quả các phương pháp dạy

Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm lớp 5 rà soát hồ sơ học sinh. Cán bộ quản lý, tổ trưởng chuyên môn, giáo viên dạy lớp 5 hợp xét hoàn thành chương trình tiểu học, thực hiện nghiêm túc việc tổ chức bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để HS “ngồi nhầm lớp”; GVCN thực hiện đề nghị khen thưởng HS thực chất, đúng quy định.

Thực hiện biên soạn đề và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kỳ cho các môn học theo quy định, đúng các mức độ theo tinh thần tập huấn của Sở GD&ĐT.

7. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật

Toàn trường có 21/7 nữ học sinh là người dân tộc thiểu số, các em được tham gia đầy đủ các hoạt động học tập và rèn luyện, đảm bảo cho học sinh đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng các môn học.

Số học sinh khuyết tật học hòa nhập là 08/1 nữ, các em được điều chỉnh linh hoạt về tổ chức dạy học, chương trình, phương pháp dạy học, đánh giá, xếp loại và thực hiện thiết lập hồ sơ theo dõi quá trình tiến bộ của học sinh khuyết tật đúng quy định.

8. Củng cố và tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

a) Về đội ngũ GV và CBQL giáo dục

- Tổng số cán bộ quản lý (CBQL), giáo viên (GV), nhân viên là 29/22 nữ. trong đó: CBQL 2/1; giáo viên 19/17; chuyên trách hành chính 4/2; bảo vệ, phục vụ 4/2.

b) Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

Đơn vị đã chủ động rà soát các điều kiện về CSVC, thiết bị dạy học sẵn có kết hợp với thiết bị dạy học mới để tổ chức dạy học hiệu quả. Tăng cường sửa chữa, trang bị cơ sở vật chất (phòng lớp, bàn ghế, trang thiết bị dạy học...), huy động nguồn lực hỗ trợ CSVC cho nhà trường đúng quy định để đảm bảo việc tổ chức dạy học hiệu quả đáp ứng nhu cầu dạy-học của GV-HS thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

c) Về duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và xây dựng trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia

Nhà trường chủ động phối hợp với Ban Chỉ đạo PCGD-XMC thị trấn huy động 100% trẻ đến trường ngay từ đầu năm học. Tiếp tục tham mưu với các đơn vị có liên quan về giải pháp thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo các quy định của Chính phủ (Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ cập giáo dục, xóa mù chữ). và Bộ GD&ĐT (Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT ban hành quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ); tăng cường công tác tập huấn, điều tra, phúc tra, nhập số liệu vào hệ thống, hoàn thiện, lưu trữ hồ sơ và thực hiện đúng quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trong đó tập trung chỉ đạo mức độ đạt chuẩn cần gắn liền với các điều kiện

đảm bảo nhằm tạo nền tảng củng cố, nâng cao thực chất chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, đảm bảo giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định, lưu trữ hồ sơ, minh chứng năm học làm cơ sở tái công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1.

d) Hoạt động khác

+ *Hoạt động ngoài giờ lên lớp*: Duy trì hát đầu giờ; Tập cho học sinh các bài hát mới; Tổ chức vui văn nghệ trong các ngày lễ lớn như: Lễ hội khai trường, Hội thi làm lồng đèn tết Trung thu, làm thiệp 20/11, ngày tết yêu thương, Ngày hội “*Tiến bước lên đoàn*”,....

Tổ chức thi trò chơi dân gian, giao lưu viết chữ đẹp, kể chuyện đạo đức, giao lưu Olympic tiếng Anh, ...Tuyên truyền giới thiệu sách, sân chơi cuối tuần, Hội khỏe Phù Đổng vòng trường, thể dục giữa giờ,...

Thực hiện trang trí lớp học, trồng cây xanh tạo không khí trong lành giúp các em học tập tốt hơn.

Thực hiện tốt các công tác vận động ủng hộ, nhân đạo từ thiện do cấp trên và địa phương phát động như hiến máu tình nguyện, mua tấm, chổi ủng hộ người mù, ủng hộ các bạn có hoàn cảnh khó khăn ...

Phát động phong trào Kế hoạch nhỏ.

Tích cực tập luyện cho học sinh tham gia Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện. Hỗ trợ thể dục giữa giờ. Cho học sinh sinh hoạt sao hàng tuần, hướng dẫn đội sao đỏ sinh hoạt hiệu quả.

Thực hiện tốt mô hình nhà vệ sinh thân thiện, thông minh; phòng học trang trí lớp học có cây xanh, dây leo, xanh trường lớp tạo không gian thân thiện. Xây dựng trường học Xanh-Sạch-Đẹp-An toàn, giữ gìn sạch sẽ khuôn viên nhà trường. Trồng, chăm sóc cây xanh tạo bóng mát, tạo các mảng xanh trong khuôn viên lớp học, nơi làm việc; xây dựng vườn trường, vườn cây thuốc nam phù hợp với điều kiện của nhà trường.

9. Công tác truyền thông

Trong năm học 2023-2024, nhà trường đẩy mạnh công tác truyền thông, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, Chính phủ và của ngành GDĐT về đổi mới và phát triển giáo dục. Tuyên truyền một số văn bản quy phạm pháp luật của ngành giáo dục và đào tạo. Tuyên truyền những kết quả đạt được để xã hội hiểu và chia sẻ, đồng thuận với các chủ trương đổi mới về giáo dục tiểu học. Tuyên truyền nội dung chương trình GDPT 2018, đổi mới chương trình sách giáo khoa cấp tiểu học, chú trọng các nội dung liên quan đến lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4 và công tác chuẩn bị đối với lớp 5 từ năm học 2024-2025.

Tuyên truyền thông tin đến phụ huynh học sinh điều kiện cơ sở vật chất, đội ngũ đảm bảo tổ chức hoạt động giảng dạy. Công bố điều kiện tuyển sinh, khu vực tuyển sinh cho phụ huynh và nhân dân được rõ để phối hợp thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục học sinh.

Công tác tuyên truyền, thông tin được nhà trường thực hiện bằng nhiều hình thức như phối hợp với đài truyền thanh huyện Phú Giáo, loa phát thanh của UBND thị trấn Phước Vĩnh để thông tin đến toàn thể phụ huynh học sinh. Thực hiện tuyên truyền qua các buổi họp phụ huynh

học sinh, họp hội đồng sư phạm, qua zalo nhóm lớp, qua băng rôn, áp phích.... Đặc biệt, xây dựng trang Web của đơn vị với đa dạng nội dung, thông tin đầy đủ, kịp thời, là nơi kết nối các hoạt động giáo dục của nhà trường với CMHS.

Nhờ thực hiện khá tốt công tác truyền thông nên giáo viên nhà trường nắm tương đối tốt các chính sách, chủ trương của ngành, phụ huynh học sinh nắm rõ hoạt động của nhà trường từ đó phối hợp giáo dục học sinh tốt.

Trên đây là Báo cáo kết quả thường niên năm học 2023-2024 của Trường Tiểu học An Linh./.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hồ Phương